TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG** --- ** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ------ ** ------

Bản án số: 259/2026/DS-ST
Ngày 24.4.2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng L**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị C** và ông **Phạm Xoa**

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Minh T1** - Cán bộ T2 án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Trần Quỳnh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng, địa chỉ C L, phường H, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2025/TLST - DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H**. Trụ sở: 25 B đường N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (phường B, quận A cũ). Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T3 – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Đức T4 – Chức vụ: Chuyên viên QHKH cá nhân và ông Lê Phú T5 – Chức vụ: Chuyên viên QHKH cá nhân (Theo giấy ủy quyền số ngày 10/10/2025). Địa chỉ liên hệ: A L, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông Lê Phú T5 có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 1990. Địa chỉ: K N, phường H, thành phố Đà Nẵng (phường H, quận H cũ), vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp Toà án ngày 13/10/2025 và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Mỹ H có quan hệ Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H. Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 29/11/2022 thì Ngân hàng cấp cho bà H hạn mức thẻ là 200.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân.

Thời hạn vay là 60 tháng., kể từ ngày 01/12/2022 đến 01/12/2027. Theo thỏa thuận lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp thẻ: 29%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Kỳ sao kê dư nợ thẻ là ngày 15 hàng tháng và kỳ hạn cuối cùng thanh toán là + (cộng) 25 ngày kể từ ngày sao kê. Lãi suất thẻ tại thời điểm cấp thẻ cứ theo Quyết định 939/2023/QD-TGĐ v/v Ban hành lãi suất thẻ tín dụng H1 ngày 12/04/2023. Cụ thể lãi suất áp dụng cho thẻ Visa Vietjet Platinum là 29%/năm. Theo Quyết định số 981/2025/QD-TGD ngày 14/03/2025 về Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng H1. Tại Điều 8 - khoản 2 Lãi suất thẻ theo Biểu lãi suất Thẻ do H1 quy định từng thời điểm.

Từ ngày 01/12/2022 đến 31/03/2025 bà Trần Thị Mỹ H phát sinh 82 lần giao dịch trên thẻ tín dụng. Số tiền tạm tính đến ngày 24/04/2026 của bà Trần Thị Mỹ H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 530.828.433 đồng. Trong đó nợ gốc: 198.047.111 đồng. Nợ lãi trong hạn: 79.324.437 đồng. Nợ P = Phí quá hạn OVD + Phí Quá hạn OVL = 135.347.295 đồng + 3.086.725 đồng = 138.434.020 đồng. Nợ lãi quá hạn : 91.815.183 đồng .Nợ lãi chậm trả lãi : 23.207.682 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, gởi thông báo và cử trực tiếp nhân viên tín dụng đến làm việc về khoản nợ vay nói trên nhưng đến nay bà H vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng các khoản nợ vay nói trên.

Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc bà H trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu (gồm gốc, lãi và các loại phí) tính đến ngày 24/4/2026 là 530.828.433 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/4/2026 đến ngày bà H thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất tại hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

Do bị đơn là bà Trần Thị Mỹ H kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Mỹ H tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 nhưng vẫn không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình

giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, buộc bà Trần Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24/4/2026 là 515.553.194 đồng, trong đó dư nợ chưa thanh toán đến ngày 31/3/2025 là 415.805.568 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 24/4/2026 là 91.815.183 đồng, lãi chậm trả là 7.932.443 đồng. Không chấp nhận yêu cầu về phần tính lãi từ phí mà Ngân hàng buộc bà H phải trả 15.275.239 đồng. Bà H còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/4/2026 theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Mỹ H vắng mặt và không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 29/11/2022 bà Trần Thị Mỹ H có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng có hạn mức 200.000.000 đồng cho bà Trần Thị Mỹ H, với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 01/12/2022 đến 01/12/2027. Theo thỏa thuận lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp thẻ: 29%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Bà Trần Thị Mỹ H đã sử dụng thẻ tín dụng để rút tiền mặt và thực hiện giao dịch thanh toán mua hàng. Trong quá trình sử dụng, bà H không thực hiện thanh toán đúng như cam kết và bắt đầu vi phạm thanh toán đối với Ngân hàng kể từ kỳ thanh toán ngày 31/3/2025. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà Trần Thị Mỹ H từ ngày 31/3/2025. Ngân hàng yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 24/4/2026 là 530.828.433 đồng. Trong đó nợ gốc: 198.047.111 đồng; lãi trong hạn: 79.324.437 đồng; lãi quá hạn: 91.815.183 đồng; nợ phí: 138.434.020 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 23.207.682 đồng.

Xét thấy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Tờ trình cấp thẻ tín dụng, Quyết định cấp thẻ tín dụng số 1414 ngày 29/11/2022 của Ngân hàng, tóm tắt sao kê là có cơ sở để xác định bà H có sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng thanh toán qua tài khoản với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, bà H tham gia sử dụng thẻ nhưng không tuân thủ quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ, không thanh toán nợ theo đúng kỳ hạn, vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận, việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bà H là vi phạm nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng thanh toán qua tài khoản.

Đối với yêu cầu về việc buộc bà Trần Thị Mỹ H phải trả số tiền còn nợ đối với khoản vay sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 24/4/2026 là 530.828.433 đồng. Trong đó nợ gốc: 198.047.111 đồng; lãi trong hạn: 79.324.437 đồng; lãi quá hạn: 91.815.183 đồng; nợ phí: 138.434.020 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 23.207.682 đồng.

HĐXX xét thấy: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H cấp hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng với thời hạn sử dụng thẻ tín dụng 60 tháng kể từ ngày kích hoạt thẻ 29/11/2022 đến ngày hết hạn là ngày 01/12/2027. Quá trình sử dụng thẻ, kể từ kỳ thanh toán tháng 12/2023 bà Trần Thị Mỹ H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 31/3/2025, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và các Điều 463, 466 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Trần Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền nợ gốc: 198.047.111 đồng; nợ lãi trong hạn: 79.324.437 đồng; nợ phí: 138.434.020 đồng; nợ lãi quá hạn: 91.815.183 đồng (tính đến 24/4/2026).

Đối với yêu cầu tính nợ lãi chậm trả lãi phát sinh tính từ 31/03/2025 đến ngày 24/4/2026: (79.324.437 đồng + 135.347.295 đồng + 3.086.725 đồng) x10%/năm = 217.758.457 đồng x10%/năm = 23.207.682 đồng là chưa phù hợp và trái với các quy định nêu tại điểm e khoản 2 Điều 8 và khoản 3 Điều 13 Quy định sản phẩm thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân do Ngân hàng cung cấp. Do đó HĐXX chỉ chấp nhận một phần nợ lãi chậm trả lãi 79.324.437 đồng x 10% /năm = 7.932. 437 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, buộc bà Trần Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24/4/2026 là 515.553.194 đồng, trong đó dư nợ chưa thanh toán đến ngày 31/3/2025 là 415.805.568 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 24/4/2026 là 91.815.183 đồng, lãi chậm trả là 7.932.443 đồng.

Bà H phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 25/4/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tín dụng ngày 29/11/2022.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về phần tính lãi từ phí mà Ngân hàng buộc bà H phải trả 15.275.239 đồng.

[3] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 515.553.194 đồng: (400.000.000 đồng x 5% + 115.553.194 đồng x 4%) = 24.622.127 đồng.

Do không chấp nhận đối với khoản lãi do nguyên đơn yêu cầu nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm = 15.275.239 đồng x 5% = 763.761 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ 103 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đối với bà Trần Thị Mỹ H.

Buộc bà Trần Thị Mỹ H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền tính đến ngày 24/4/2026 là 515.553.194 đồng, trong đó dư nợ chưa thanh toán đến ngày 31/3/2025 là 415.805.568 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 24/4/2026 là 91.815.183 đồng, lãi chậm trả là 7.932.443 đồng.

Bà H phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 25/4/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tín dụng ngày 29/11/2022.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H về việc yêu cầu bà H phải trả số tiền lãi và phí thẻ 15.275.239 đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Mỹ H phải chịu là 24.622.127 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H phải chịu là 763.761 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí Ngân hàng đã nộp là 1.917.260 đồng theo biên lai thu 6161 ngày 26/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà

Nẵng). Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền án phí là 1.154.000 đồng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Hồng Loan